

Website

BỘ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

Số: 643/QĐ-ĐHSPKTND

Nam Định, ngày 15 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về mức thu học phí năm học 2018 – 2019**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH**

Căn cứ Quyết định số 388/QĐ-LĐTĐ ngày 01/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 822/QĐ-ĐHSPKTND ngày 05/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn trực thuộc và các bộ môn thuộc khoa của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về việc quy định Cơ chế tự chủ của đơn vị Sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Quyết định số 611/QĐ-ĐHSPKTND ngày 01/8/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định về việc sửa đổi, bổ sung Chương trình giáo dục đại học;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Kế toán - Tài chính, Trưởng phòng Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức học phí năm học 2018 - 2019, cụ thể như sau:

1. Mức thu học phí đối với sinh viên đào tạo trình độ đại học

*Đơn vị tính: đồng/tín chỉ*

TT	Nhóm ngành đào tạo	Mức thu
1	Liên thông đại học khối ngành kỹ thuật	290.000
2	Liên thông đại học khối ngành kinh tế	250.000
3	Đại học khối ngành kỹ thuật tuyển sinh trước năm 2018	280.000



4	Đại học khối ngành kinh tế tuyển sinh trước năm 2018	250.000
5	Đại học khối ngành kỹ thuật tuyển sinh năm 2018	290.000
6	Đại học khối ngành kinh tế tuyển sinh năm 2018	250.000

2. Mức thu học phí đối với sinh viên đào tạo trình độ cao đẳng

*Đơn vị tính: đồng/tín chỉ*

TT	Nhóm ngành đào tạo	Mức thu
1	Cao đẳng khối ngành kỹ thuật tuyển sinh trước năm 2017	220.000
2	Cao đẳng khối ngành kinh tế, ngoại ngữ tuyển sinh trước năm 2017	190.000
3	Cao đẳng khối ngành kỹ thuật tuyển sinh năm 2017	190.000
4	Cao đẳng khối ngành kinh tế, ngoại ngữ tuyển sinh năm 2017	160.000
5	Cao đẳng khối ngành kỹ thuật tuyển sinh năm 2018	200.000
6	Cao đẳng khối ngành kinh tế, ngoại ngữ tuyển sinh năm 2018	165.000

3. Mức thu học phí các học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh

3.1. Sinh viên đào tạo trình độ cao đẳng: 325.000 đồng/sinh viên.

3.2. Sinh viên đào tạo trình độ đại học: 810.000 đồng/sinh viên.

4. Mức thu học phí đối với học viên đào tạo trình độ thạc sĩ:

420.000 đồng/tín chỉ.

5. Mức thu học phí đối với sinh viên cao đẳng nghề tuyển sinh trước năm 2017

*Đơn vị tính: đồng/tháng*

TT	Nhóm nghề đào tạo	Mức thu
1	Cao đẳng nghề khối ngành kỹ thuật	750.000
2	Cao đẳng nghề khối ngành kinh tế	500.000

6. Mức thu học phí đối với sinh viên liên thông đại học hệ Vừa làm Vừa học

6.1. Các lớp mở tại các tỉnh Hà Giang, Lạng Sơn, Lào Cai, Sơn La, Điện Biên, Cao Bằng, Bắc Cạn thu 950.000 đồng/tháng.

6.2. Các lớp mở tại trường và các tỉnh khác thu 1.050.000 đồng/tháng.



7. Thu, quản lý và sử dụng học phí: Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Mức thu học phí được áp dụng cho năm học 2018 - 2019.

Quy định này không áp dụng đối với sinh viên đang học đại học Sư phạm kỹ thuật có số lượng tín chỉ đã đăng ký hợp lệ theo kế hoạch đào tạo trong năm học 2018 - 2019.

**Điều 3.** Các đơn vị có liên quan và sinh viên thuộc đối tượng nộp học phí chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu;
- Các Phòng: Đào tạo, KT-TC;
- Phòng Thanh tra, Công tác HSSV;
- Trung tâm tư vấn hỗ trợ SV;
- Các khoa, BM trực thuộc; website;
- Lưu Văn thư.

**HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Trần Văn Khiêm**

